

Số: 34/QĐ-THPTNH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai tài sản công năm 2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT NGUYỄN HUỆ

Căn cứ Thông tư số 114/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Xét đề nghị của phòng Tài vụ.

QUYẾT ĐỊNH

- Điều 1. Công khai tài sản công năm 2024 của Trường THPT Nguyễn Huệ.
- Công khai tình hình đầu tư xây dựng, mua sắm, giao, thuê Tài sản công năm 2024. Mẫu số 09a-CK/TSC.
 - Công khai tình hình tình hình quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp năm 2024. Mẫu số 09b-CK/TSC.
 - Công khai tình hình tình hình quản lý, sử dụng ô tô và tài sản cố định khác năm 2024. Mẫu số 09c-CK/TSC.
 - Công khai tình hình xử lý Tài sản công năm 2024. Mẫu số 09d-CK/TSC.
 - Công khai tình hình khai thác nguồn lực tài chính từ Tài sản công năm 2024. Mẫu số 09đ-CK/TSC.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận Tài vụ các bộ phận liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT, VP (Vy).



Trần Thị Thủy Tiên

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)

[Handwritten signature]

Phạm Thị Nga

Ngày 23 tháng 4 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Trần Thị Thuý Tiên



Bộ, tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh
Cơ quan quản lý cấp trên: Sở giáo dục và đào tạo Thành Phố Hồ Chí Minh
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường THPT Nguyễn Huệ
Mã đơn vị: 1040223
Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 09b-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP

Năm 2024

Công khai về đất													Công khai về nhà							Ghi chú	
STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)					Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác				
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp						Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê liên kết	Liên doanh, liên kết		Sử dụng hỗn hợp			
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên kết													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
1	601 -Đất khuôn viên trụ sở tại 153 Đường Nguyễn Văn Tăng, KP. Chấn Phúc Cẩm	16.322,00	19.586.400			16.322,00										52,00					
2	Căn tin									2006	52,00	88.753				52,00					
3	Khối nhà A									2004	1.082,00	5.058.936	607.072			1.082,00					
4	Khối nhà B									2004	451,00	2.143.632				451,00					
5	Khối nhà bảo vệ									2004	25,00	55.552				25,00					
6	Khối nhà C									2004	1.082,00	9.592.324	1.151.079			1.082,00					
7	Khối nhà D									2005	1.082,00	9.520.248	1.523.240			1.082,00					
8	Nhà để xe học sinh 3									2009	392,00	191.804				392,00					
9	Nhà xe giáo viên									2004	480,00	177.760				480,00					
10	Nhà xe giáo viên 2									2017	240,00	83.860	30.735			240,00					

Bộ, tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh
Cơ quan quản lý cấp trên: Sở giáo dục và Đào tạo Thành Phố Hồ Chí Minh
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường THPT Nguyễn Huệ
Mã đơn vị: 1040223
Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 09c-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ VÀ TÀI SẢN CÓ ĐỊNH KHÁC

Năm 2024

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngân đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguyên sách	Nguyên khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
I	Tài sản cố định khác		595	13.104.050	7.030.116	6.073.934	742.568							
1	Bàn họp gỗ cao su 3m50x 80cm rộng 1m2	Phòng truyền thống I 1A	1	14.300		14.300	4.111							
2	Máy vi tính INTEL G2030_3.00GHz	Phòng vi tính I 13A	1	11.200		11.200								
3	Máy vi tính INTEL G2030_3.00GHz	Phòng vi tính I 13A	1	11.200		11.200								
4	Máy vi tính INTEL G2030_3.00GHz	Phòng vi tính I 13A	1	11.200		11.200								
5	Máy vi tính INTEL G2030_3.00GHz	Phòng vi tính I 13A	1	11.200		11.200								
6	Máy vi tính INTEL G2030_3.00GHz	Phòng vi tính I 13A	1	11.200		11.200								
7	Máy vi tính INTEL G2030_3.00GHz	Phòng vi tính I 13A	1	11.200		11.200								
8	Máy vi tính INTEL G2030_3.00GHz	Phòng vi tính I 13A	1	11.200		11.200								
9	Máy vi tính INTEL G2030_3.00GHz	Phòng vi tính I 13A	1	11.200		11.200								
10	Máy vi tính INTEL G2030_3.00GHz	Phòng vi tính I 13A	1	11.200		11.200								
11	Máy vi tính INTEL G2030_3.00GHz	Phòng vi tính I 13A	1	11.200		11.200								
12	Máy vi tính INTEL G2030_3.00GHz	Phòng vi tính I 13A	1	11.200		11.200								

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguyên sách	Nguồn khác								
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
13	Máy vi tính INTEL G2030_3.00GHz	Phòng vi tính 1 13A	1	11.200		11.200								
14	Máy vi tính INTEL G2030_3.00GHz	Phòng vi tính 1 13A	1	11.200		11.200								
15	Máy vi tính INTEL G2030_3.00GHz	Phòng vi tính 1 13A	1	11.200		11.200								
16	Máy vi tính INTEL G2030_3.00GHz	Phòng vi tính 1 13A	1	11.200		11.200								
17	Máy vi tính INTEL G2030_3.00GHz	Phòng vi tính 1 13A	1	11.200		11.200								
18	Máy vi tính INTEL G2030_3.00GHz	Phòng vi tính 1 13A	1	11.200		11.200								
19	Máy vi tính 1:FPT Elead T54000is	Phòng vi tính 4 12A	1	8.069	8.069		1.614							X
20	Máy vi tính Ce 3.06 Ghz	Phòng vi tính 4 12A	1	9.000	9.000									X
21	Máy vi tính Ce 3.06 Ghz	Phòng vi tính 4 12A	1	9.000	9.000									X
22	Máy vi tính Ce 3.06 Ghz	Phòng vi tính 2 14A	1	9.000	9.000									X
23	Máy vi tính Ce 3.06 Ghz	Kho khu D	1	9.000	9.000									X
24	Máy vi tính Ce 3.06 Ghz	Kho khu D	1	9.000	9.000									X
25	Máy vi tính INTEL G2030_3.00GHz	Phòng vi tính 1 13A	1	11.200		11.200								
26	Máy vi tính Ce 3.06 Ghz	Kho khu D	1	9.000	9.000									X
27	Máy vi tính E500-2.8 Ghz	Phòng vi tính 2 14A	1	10.200		10.200								
28	Máy vi tính INTEL G2030_3.00GHz	Phòng vi tính 1 13A	1	11.200		11.200								
29	Máy vi tính INTEL G2030_3.00GHz	Phòng vi tính 1 13A	1	11.200		11.200								
30	Máy vi tính INTEL G2030_3.00GHz	Phòng vi tính 1 13A	1	11.200		11.200								
31	Máy vi tính INTEL G2030_3.00GHz	Phòng vi tính 1 13A	1	11.200		11.200								
32	Máy vi tính INTEL G2030_3.00GHz	Phòng vi tính 1 13A	1	11.200	11.200									

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
33	Máy vi tính để bàn năm 2024	Phòng vi tính 4 I2A	8	95.040		95.040	76.032		x					
34	Máy vi tính INTEL G2030 3.00GHz	Phòng vi tính 1 I3A	1	11.200		11.200								
35	Máy vi tính INTEL G2030 3.00GHz	Phòng vi tính 1 I3A	1	11.200		11.200								
36	Máy vi tính INTEL G2030 3.00GHz	Phòng vi tính 1 I3A	1	11.200		11.200								
37	Máy vi tính INTEL G3450 3.40GHz	Phòng Giáo vụ 3A	1	11.450		11.450								
38	Máy vi tính INTEL G3450 3.40GHz	Phòng vi tính 1 I3A	1	11.450		11.450								
39	Máy vi tính INTEL G3450 3.40GHz	Phòng vi tính 3 7A	1	11.450		11.450								
40	Máy vi tính INTEL G3450 3.40GHz	Phòng vi tính 3 7A	1	11.450		11.450								
41	Máy vi tính INTEL G3450 3.40GHz	Phòng vi tính 3 7A	1	11.450		11.450								
42	Máy vi tính INTEL G3450 3.40GHz	Phòng 4A2	1	11.450		11.450								
43	Máy vi tính INTEL G2030 3.00GHz	Phòng vi tính 1 I3A	1	11.200		11.200								
44	Máy vi tính INTEL G3450 3.40GHz	Phòng vi tính 3 7A	1	11.450		11.450								
45	Máy vi tính INTEL G3450 3.40GHz	Phòng vi tính 3 7A	1	11.450		11.450								
46	Máy vi tính INTEL G3450 3.40GHz	Phòng vi tính 3 7A	1	11.450		11.450								
47	Máy vi tính INTEL G3450 3.40GHz	Phòng Giáo vụ 3A	1	11.450		11.450								
48	Máy vi tính INTEL G3450 3.40GHz	Phòng vi tính 1 I3A	1	11.450		11.450								
49	Máy vi tính INTEL G3450 3.40GHz	Phòng Tiếp dân 2A	1	11.450	11.450									
50	Máy vi tính INTEL G3450 3.40GHz	Phòng 17D	1	11.450		11.450								

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức năng có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguyên sách	Nguyên khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
51	Máy vi tính INTEL G3450_3.40GHz	Phòng vi tính 3 7A	1	11.450		11.450								
52	Máy vi tính 1:FPT Elead T54000is	Phòng vi tính 4 12A	1	8.069	8.069		1.614							x
53	Máy vi tính INTEL G2030_3.00GHz	Phòng vi tính 1 13A	1	11.200		11.200								
54	Máy vi tính INTEL G2030_3.00GHz	Phòng vi tính 1 13A	1	11.200		11.200								
55	Máy vi tính INTEL G2030_3.00GHz	Phòng vi tính 1 13A	1	11.200		11.200								
56	Máy vi tính INTEL G2030_3.00GHz	Phòng vi tính 1 13A	1	11.200		11.200								
57	Máy vi tính INTEL G2030_3.00GHz	Phòng vi tính 1 13A	1	11.200		11.200								
58	Máy vi tính INTEL G2030_3.00GHz	Phòng vi tính 1 13A	1	11.200		11.200								
59	Máy vi tính INTEL G2030_3.00GHz	Phòng vi tính 1 13A	1	11.200		11.200								
60	Máy vi tính INTEL G2030_3.00GHz	Phòng vi tính 1 13A	1	11.200		11.200								
61	Máy vi tính INTEL G2030_3.00GHz	Phòng vi tính 1 13A	1	11.200		11.200								
62	Máy vi tính INTEL G2030_3.00GHz	Phòng vi tính 1 13A	1	11.200		11.200								
63	Máy vi tính INTEL G2030_3.00GHz	Phòng vi tính 1 13A	1	11.200		11.200								
64	Máy vi tính INTEL G2030_3.00GHz	Phòng vi tính 1 13A	1	11.200		11.200								
65	Máy vi tính INTEL G2030_3.00GHz	Phòng vi tính 1 13A	1	11.200		11.200								
66	Máy vi tính INTEL G2030_3.00GHz	Phòng vi tính 1 13A	1	11.200		11.200								
67	Máy vi tính INTEL G2030_3.00GHz	Phòng vi tính 1 13A	1	11.200		11.200								
68	Máy vi tính INTEL G2030_3.00GHz	Phòng vi tính 1 13A	1	11.200		11.200								

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức năng có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguyên sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
69	Máy vi tính INTEL G2030_3.00GHz	Phòng vi tính 1 13A	1	11.200		11.200								
70	Máy vi tính 1:FPT Elead T54000is	Phòng vi tính 4 12A	1	8.069	8.069		1.614							x
71	Máy vi tính 1:FPT Elead T54000is	Phòng vi tính 4 12A	1	8.069	8.069		1.614							x
72	Máy vi tính 1:FPT Elead T54000is	Phòng vi tính 4 12A	1	8.069	8.069		1.614							x
73	Máy tính INTEL Duo Core E1200_1.6GHz CRT	Phòng vi tính 4 12A	1	7.545	7.545									x
74	Máy tính INTEL Duo Core E1200_1.6GHz CRT	Phòng vi tính 4 12A	1	7.545	7.545									x
75	Máy tính INTEL Duo Core E1200_1.6GHz CRT	Phòng vi tính 4 12A	1	7.545	7.545									x
76	Máy tính INTEL Duo Core E1200_1.6GHz CRT	Phòng vi tính 4 12A	1	7.545	7.545									x
77	Máy tính INTEL Duo Core E1200_1.6GHz CRT	Phòng vi tính 4 12A	1	7.545	7.545									x
78	Máy tính INTEL Duo Core E1200_1.6GHz CRT	Phòng vi tính 4 12A	1	7.545	7.545									x
79	Máy tính INTEL Duo Core E1200_1.6GHz CRT	Phòng vi tính 4 12A	1	7.545	7.545									x
80	Máy tính INTEL Duo Core E1200_1.6GHz CRT	Phòng vi tính 4 12A	1	7.545	7.545									x
81	Máy tính INTEL Duo Core E1200_1.6GHz LCD	Phòng vi tính 4 12A	1	10.400		10.400								
82	Máy tính INTEL Duo Core E1200_1.6GHz LCD	Kho khu D	1	10.400		10.400								
83	Máy tính INTEL Duo Core E1200_1.6GHz LCD	Phòng vi tính 4 12A	1	10.400		10.400								
84	Máy tính INTEL Duo Core E1200_1.6GHz LCD	Kho khu D	1	10.400		10.400								
85	Máy tính INTEL Duo Core E1200_1.6GHz LCD	Phòng vi tính 4 12A	1	10.400		10.400								
86	Máy tính INTEL Duo Core E1200_1.6GHz LCD	Phòng Thư viện 8A	1	10.400		10.400								

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguyên sách	Nguyên khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
87	Máy tính INTEL Duo Core E1200_1.6GHz LCD	Kho khu D	1	10.400		10.400								
88	Máy tính INTEL Duo Core E1200_1.6GHz LCD	Phòng Thư viện 8A	1	10.400		10.400								
89	Máy tính INTEL Duo Core E1200_1.6GHz CRT	Phòng vi tính 4 12A	1	7.545	7.545									x
90	Máy tính INTEL Duo Core E1200_1.6GHz CRT	Phòng vi tính 4 12A	1	7.545	7.545									x
91	Máy tính INTEL Duo Core E1200_1.6GHz CRT	Phòng vi tính 4 12A	1	7.545	7.545									x
92	Máy tính INTEL Duo Core E1200_1.6GHz CRT	Phòng vi tính 4 12A	1	7.545	7.545									x
93	Máy tính INTEL Duo Core E1200_1.6GHz CRT	Phòng vi tính 4 12A	1	7.545	7.545									x
94	Máy tính INTEL Duo Core E1200_1.6GHz CRT	Phòng vi tính 4 12A	1	7.545	7.545									x
95	Máy tính INTEL Duo Core E1200_1.6GHz CRT	Phòng vi tính 4 12A	1	7.545	7.545									x
96	Máy tính INTEL Duo Core E1200_1.6GHz CRT	Phòng vi tính 4 12A	1	7.545	7.545									x
97	Máy tính INTEL Duo Core E1200_1.6GHz CRT	Phòng vi tính 4 12A	1	7.545	7.545									x
98	Máy tính INTEL Duo Core E1200_1.6GHz CRT	Phòng vi tính 4 12A	1	7.545	7.545									x
99	Máy tính INTEL Duo Core E1200_1.6GHz CRT	Phòng vi tính 4 12A	1	7.545	7.545									x
100	Máy tính INTEL Duo Core E1200_1.6GHz CRT	Phòng vi tính 4 12A	1	7.545	7.545									x
101	Máy tính INTEL Duo Core E1200_1.6GHz CRT	Phòng vi tính 4 12A	1	7.545	7.545									x
102	Máy tính INTEL Duo Core E1200_1.6GHz CRT	Phòng vi tính 4 12A	1	7.545	7.545									x
103	Máy tính INTEL Duo Core E1200_1.6GHz CRT	Phòng vi tính 4 12A	1	7.545	7.545									x
104	Máy tính INTEL Duo Core E1200_1.6GHz CRT	Phòng vi tính 4 12A	1	7.545	7.545									x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo số kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguyên sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
105	Máy tính INTEL Duo Core E1200 1.6GHz CRT	Phòng vi tính 4 12A	1	7.545	7.545									x
106	Máy vi tính INTEL G3450 3.40GHz	Phòng Tài Vụ 1A	1	11.450		11.450								
107	Máy tính INTEL Duo Core E1200 1.6GHz LCD	Kho khu D	1	10.400		10.400								
108	Máy tính INTEL Duo Core E2160 1.8GHz LCD	Phòng vi tính 4 12A	1	10.800		10.800								
109	Máy tính xách tay DELL VOS 3566 2.50GHz	Kho khu D	1	13.000		13.000								
110	Máy tính xách tay HP 15DW3033DX-core i3	Phòng Giáo vụ 3A	1	13.404		13.404	5.361		x					
111	Máy tính xách tay HP15S 1107 TV.I3- 1005GI	Phòng Thư viện 8A	1	13.949		13.949								
112	Máy tính xách tay HP15S 1107 TV.I3- 1005GI	Phòng Thư viện 8A	1	13.949		13.949								
113	Máy tính xách tay HP15S 1107 TV.I3- 1005GI	Phòng 17D	1	13.949		13.949								
114	Máy tính xách tay HP15S 1107 TV.I3- 1005GI	Phòng 4A1 - Phó hiệu trưởng	1	13.949		13.949								
115	Máy tính xách tay DELL INS3460 2.0GHz	Kho khu D	1	13.000		13.000								
116	Máy tính xách tay HP15S 1107 TV.I3- 1005GI	Kho khu D	1	13.956		13.956								
117	Máy tính xách tay HP15S 1107 TV.I3- 1005GI	Phòng Thư viện 8A	1	13.949		13.949								
118	Máy vi tính 1:FPT Elead T54000is	Phòng vi tính 4 12A	1	8.069		8.069	1.614							x
119	Máy vi tính 1:FPT Elead T54000is	Phòng vi tính 4 12A	1	8.069		8.069	1.614							x
120	Máy vi tính 1:FPT Elead T54000is	Phòng vi tính 4 12A	1	8.069		8.069	1.614							x
121	Máy vi tính 1:FPT Elead T54000is	Phòng vi tính 4 12A	1	8.069		8.069	1.614							x
122	Máy vi tính 1:FPT Elead T54000is	Phòng vi tính 4 12A	1	8.069		8.069	1.614							x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngàn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức năng có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguyên sách	Nguyên khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
123	Máy tính xách tay HP15S 1107 TV.I3- 1005GI	Phòng Thư viện 8A	1	13.949		13.949								
124	Máy tính INTEL Duo Core E1200 1.6GHz LCD	Phòng Thư viện 8A	1	10.400		10.400								
125	Máy tính xách tay DELL INS3460 2.0GHz	Kho khu D	1	13.000		13.000								
126	Máy tính xách tay Acer TravelMate P243-M	Kho khu D	1	16.700		16.700								
127	Máy tính INTEL Duo Core E2160 1.8GHz LCD	Phòng vi tính 4 12A	1	10.800		10.800								
128	Máy tính INTEL Duo Core E2160 1.8GHz LCD	Phòng vi tính 4 12A	1	10.800		10.800								
129	Máy tính INTEL Duo Core E2160 1.8GHz LCD	Phòng vi tính 4 12A	1	10.800		10.800								
130	Máy tính INTEL Duo Core E2160 1.8GHz LCD	Phòng vi tính 4 12A	1	10.800		10.800								
131	Máy tính INTEL Duo Core E2160 1.8GHz LCD	Phòng vi tính 4 12A	1	10.800		10.800								
132	Máy tính Intel Duo Core E5300 2.6 HZ	Kho khu D	1	8.064	8.064									X
133	Máy tính xách tay Acer TravelMate P243-M	Kho khu D	1	16.700		16.700								
134	Máy tính Intel Duo Core E5300 2.6 HZ	Kho khu D	1	8.064	8.064									X
135	Máy tính Intel Duo Core E5300 2.6 HZ	Kho khu D	1	8.064	8.064									X
136	Máy tính Intel Duo Core E5300 2.6 HZ	Kho khu D	1	8.064	8.064									X
137	Máy tính Intel Duo Core E5300 2.6 HZ	Kho khu D	1	8.064	8.064									X
138	Máy tính INTEL DuoCore XEON Workstation-2.13	Phòng vi tính 1 13A	1	16.550		16.550								
139	Máy tính INTEL DuoCore XEON Workstation-2.13	Phòng vi tính 2 14A	1	16.550		16.550								
140	Máy tính INTEL DuoCore XEON Workstation-2.13	Phòng vi tính 3 7A	1	16.550		16.550								

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngین đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức năng có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguyên sách	Ngین khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
141	Máy tính Intel Duo Core E5300 2.6 HZ	Kho khu D	1	8.064	8.064									x
142	Máy vi tính INTEL G3450 3.40GHz	Phòng vi tính 3 7A	1	11.450		11.450								
143	Máy vi tính INTEL G3450 3.40GHz	Trường THPT Nguyễn Huệ	1	11.450		11.450								
144	Máy vi tính INTEL G3450 3.40GHz	Phòng vi tính 3 7A	1	11.450		11.450								
145	Máy vi tính INTEL G550 2.60GHz	Phòng vi tính 3 7A	1	9.595	9.595									x
146	Máy vi tính INTEL G550 2.60GHz	Phòng vi tính 3 7A	1	9.595	9.595									x
147	Máy vi tính INTEL G550 2.60GHz	Phòng vi tính 1 13A	1	9.595	9.595									x
148	Máy vi tính INTEL G550 2.60GHz	Phòng vi tính 3 7A	1	9.595	9.595									x
149	Máy vi tính INTEL G550 2.60GHz	Kho khu D	1	9.000	9.000									x
150	Máy vi tính INTEL G550 2.60GHz	Kho khu D	1	9.000	9.000									x
151	Máy vi tính INTEL G550 2.60GHz	Phòng vi tính 1 13A	1	9.595	9.595									x
152	Máy vi tính INTEL G550 2.60GHz	Kho khu D	1	9.000	9.000									x
153	Máy vi tính INTEL G550 2.60GHz	Phòng vi tính 3 7A	1	9.595	9.595									x
154	Máy vi tính INTEL G550 2.60GHz	Phòng vi tính 3 7A	1	9.595	9.595									x
155	Máy vi tính INTEL G550 2.60GHz	Phòng vi tính 3 7A	1	9.595	9.595									x
156	Máy vi tính INTEL G550 2.60GHz	Phòng vi tính 3 7A	1	9.595	9.595									x
157	Máy vi tính INTEL G550 2.60GHz	Kho khu D	1	9.000	9.000									x
158	Máy vi tính INTEL G550 2.60GHz	Phòng vi tính 3 7A	1	9.595	9.595									x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức năng có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguyên sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
159	Máy vi tính INTEL G550 2.60GHz	Phòng vi tính 3 7A	1	9.595	9.595									x
160	Máy vi tính INTEL G550 2.60GHz	Phòng vi tính 1 13A	1	9.595	9.595									x
161	Máy vi tính INTEL G550 2.60GHz	Phòng vi tính 3 7A	1	9.595	9.595									x
162	Máy vi tính INTEL G550 2.60GHz	Phòng vi tính 3 7A	1	9.595	9.595									x
163	Máy vi tính INTEL G540 2.50GHz	Phòng vi tính 2 14A	1	9.685	9.685									x
164	Máy vi tính INTEL G540 2.50GHz	Phòng vi tính 2 14A	1	9.685	9.685									x
165	Máy vi tính INTEL G540 2.50GHz	Phòng vi tính 2 14A	1	9.685	9.685									x
166	Máy vi tính INTEL G540 2.50GHz	Phòng vi tính 2 14A	1	9.685	9.685									x
167	Máy vi tính INTEL G540 2.50GHz	Phòng vi tính 2 14A	1	9.685	9.685									x
168	Máy vi tính INTEL G550 2.60GHz	Kho khu D	1	9.000	9.000									x
169	Máy vi tính INTEL G550 2.60GHz	Phòng vi tính 3 7A	1	9.595	9.595									x
170	Máy vi tính INTEL G550 2.60GHz	Phòng vi tính 3 7A	1	9.595	9.595									x
171	Máy vi tính INTEL G550 2.60GHz	Phòng vi tính 3 7A	1	9.595	9.595									x
172	Máy vi tính INTEL G550 2.60GHz	Phòng vi tính 3 7A	1	9.595	9.595									x
173	Máy vi tính INTEL G550 2.60GHz	Phòng vi tính 3 7A	1	9.595	9.595									x
174	Máy vi tính INTEL G550 2.60GHz	Phòng vi tính 3 7A	1	9.595	9.595									x
175	Máy vi tính INTEL G550 2.60GHz	Phòng vi tính 3 7A	1	9.000	9.000									x
176	Máy vi tính INTEL G550 2.60GHz	Phòng vi tính 1 13A	1	9.595	9.595									x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguyên sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
177	Máy vi tính INTEL G550 2.60GHz	Phòng vi tính 3 7A	1	9.595	9.595									x
178	Máy vi tính INTEL G540 2.50GHz	Phòng vi tính 2 14A	1	9.685	9.685									x
179	Máy vi tính INTEL G550 2.60GHz	Phòng vi tính 3 7A	1	9.595	9.595									x
180	Máy vi tính INTEL G550 2.60GHz	Phòng vi tính 3 7A	1	9.000	9.000									x
181	Ti vi LG -32LN5100ATV	Phòng 17D	1	9.295	9.295									x
182	Ti vi LG -32LN5100ATV	Phòng Tiếp dân 2A	1	9.295	9.295									x
183	Ti vi LG -32LN5100ATV	Kho khu D	1	9.295	9.295									x
184	Ti vi LG -32LN5100ATV	Phòng Bảo vệ	1	9.295	9.295									x
185	Ti vi LG -32LN5100ATV	Phòng 4A1 - Phó hiệu trưởng	1	9.295	9.295									x
186	Ti vi LG -32LN5100ATV	Phòng 18D	1	9.295	9.295									x
187	Ti vi LG -32LN5100ATV	Kho khu D	1	9.295	9.295									x
188	Ti vi năm 2023	Lớp học khu D	5	98.065		98.065	58.839							
189	Ti vi Toshiba - 39P2300VN	Phòng Giám Thị	1	9.950	9.950									x
190	Ti vi Toshiba 29"	Phòng Đoàn 5B	1	12.350		12.350								
191	Tổng đài điện thoại KX - TES824	Phòng Giáo vụ 3A	1	7.700	7.700									x
192	Tủ kính Inox treo tường	Phòng TH công nghệ 3B	1	14.300		14.300	4.111							
193	Tủ kính khung Inox	Phòng TH công nghệ 3B	1	12.500		12.500	3.594							
194	Tủ lưới nước uống học sinh	Kho khu D	1	5.732	5.732									x
195	Ti vi TCL - LCD L32P10FV	Trường THPT Nguyễn Huệ	1	11.363		11.363								
196	Máy vi tính INTEL G550 2.60GHz	Phòng vi tính 3 7A	1	9.000	9.000									x
197	Ti vi 65in năm 2024	Lớp học khu D	5	98.000		98.000	78.400		x					
198	Sân chơi 2	Trường THPT Nguyễn Huệ	1	559.735	559.735									

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguyên sách	Nguyên khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
199	Máy vi tính INTEL G550 2.60GHz	Phòng vi tính 3 7A	1	9.595	9.595									x
200	Máy vi tính INTEL G550 2.60GHz	Phòng Đoàn 5B	1	9.595	9.595									x
201	Máy vi tính INTEL G550 2.60GHz	Phòng vi tính 3 7A	1	9.000	9.000									x
202	Máy vi tính INTEL G550 2.60GHz	Phòng vi tính 3 7A	1	9.000	9.000									x
203	Máy vi tính xách tay ASUS Core i5	Phòng Thư viện 8A	1	18.106			18.106	x						
204	Máy vi tính xách tay ASUS Core i5	Phòng Thư viện 8A	1	18.106			18.106	x						
205	Ti vi 65 IN UQ7550 Smart	Phòng Thư viện 8A	1	19.745			19.745		x					
206	Máy vi tính xách tay ASUS Core i5	Phòng Giáo vụ 3A	1	18.106			18.106	x						
207	Máy vi tính xách tay ASUS Core i5	Phòng Tài Vụ 1A	1	18.106			18.106	x						
208	Nệm nhảy cao T25- 4* 2* 0.5	Phòng đồ dùng dạy môn thể dục 6B	1	10.724			10.724							
209	Nệm nhảy cao T25-4*2*0,5	Phòng đồ dùng dạy môn thể dục 6B	1	10.724			10.724							
210	Nhà xe học sinh 1	Trường THPT Nguyễn Huệ	1	955.944	955.944									
211	Phòng lắp ghép vách nhôm 1,2,3	Trường THPT Nguyễn Huệ	1	43.937			43.937							
212	Sân chơi 1	Trường THPT Nguyễn Huệ	1	122.869	122.869									
213	Máy vi tính xách tay ASUS Core i5	Phòng Thư viện 8A	1	18.106			18.106	x						
214	Máy tính INTEL Duo Core E1200 1.6GHz CRT	Phòng vi tính 4 12A	1	7.545	7.545									x
215	Máy vi tính INTEL G540 2.50GHz	Phòng vi tính 2 14A	1	9.685	9.685									x
216	Máy vi tính INTEL G540 2.50GHz	Phòng vi tính 2 14A	1	9.685	9.685									x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngین đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức năng có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguyên sách	Nguyên khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
217	Máy vi tính INTEL G3450_3.40GHz	Phòng vi tính 3 7A	1	11.450		11.450								
218	Máy vi tính INTEL G3450_3.40GHz	Phòng vi tính 3 7A	1	11.450		11.450								
219	Máy vi tính INTEL G3450_3.40GHz	Phòng vi tính 3 7A	1	11.450		11.450								
220	Máy vi tính INTEL G3450_3.40GHz	Phòng vi tính 3 7A	1	11.450		11.450								
221	Máy vi tính INTEL G3450_3.40GHz	Phòng vi tính 3 7A	1	11.450		11.450								
222	Máy vi tính INTEL G3450_3.40GHz	Phòng vi tính 3 7A	1	11.450		11.450								
223	Máy vi tính INTEL G3450_3.40GHz	Phòng vi tính 3 7A	1	11.450		11.450								
224	Máy vi tính INTEL G3450_3.40GHz	Phòng Y tế	1	11.450		11.450								
225	Máy vi tính INTEL G3450_3.40GHz	Phòng vi tính 3 7A	1	11.450		11.450								
226	Máy vi tính INTEL G540_2.50GHz	Phòng vi tính 2 14A	1	9.685	9.685									x
227	Máy vi tính INTEL G540_2.50GHz	Phòng vi tính 2 14A	1	9.685	9.685									x
228	Máy vi tính INTEL G540_2.50GHz	Phòng vi tính 2 14A	1	9.685	9.685									x
229	Máy vi tính INTEL G540_2.50GHz	Phòng vi tính 2 14A	1	9.685	9.685									x
230	Máy vi tính INTEL G540_2.50GHz	Phòng vi tính 2 14A	1	9.685	9.685									x
231	Máy vi tính INTEL G3450_3.40GHz	Phòng Hiệu trưởng 6A	1	11.450	11.450									
232	Máy vi tính INTEL G540_2.50GHz	Trường THPT Nguyễn Huệ	1	9.685	9.685									x
233	Máy vi tính INTEL G3450_3.40GHz	Phòng vi tính 3 7A	1	11.450		11.450								
234	Máy vi tính INTEL G3450_3.40GHz	Phòng vi tính 3 7A	1	11.450		11.450								

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo số kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguyên sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
235	Máy vi tính INTEL G3450_3.40GHz	Phòng vi tính 3 7A	1	11.450		11.450								
236	Máy vi tính INTEL G3450_3.40GHz	Kho khu D	1	11.450		11.450								
237	Máy vi tính INTEL G3450_3.40GHz	Phòng Giáo vụ 3A	1	11.450		11.450								
238	Máy vi tính INTEL G3450_3.40GHz	Phòng 4A1 - Phó hiệu trưởng	1	11.450		11.450								
239	Máy vi tính INTEL G3450_3.40GHz	Phòng vi tính 3 7A	1	11.450		11.450								
240	Máy vi tính INTEL G3450_3.40GHz	Phòng vi tính 3 7A	1	11.450		11.450								
241	Máy vi tính INTEL G3450_3.40GHz	Kho khu D	1	11.450	11.450									
242	Máy vi tính INTEL G3450_3.40GHz	Phòng vi tính 3 7A	1	11.450		11.450								
243	Máy vi tính INTEL G3450_3.40GHz	Phòng thao giảng 4B	1	11.450		11.450								
244	Máy vi tính INTEL G3450_3.40GHz	Phòng vi tính 3 7A	1	11.450		11.450								
245	Máy vi tính INTEL G3450_3.40GHz	Phòng vi tính 3 7A	1	11.450		11.450								
246	Máy vi tính INTEL G3450_3.40GHz	Kho khu D	1	11.450		11.450								
247	Máy vi tính INTEL G3450_3.40GHz	Phòng vi tính 3 7A	1	11.450		11.450								
248	Máy vi tính INTEL G3450_3.40GHz	Phòng Tài Vụ 1A	1	11.450		11.450								
249	Máy vi tính INTEL G3450_3.40GHz	Phòng 5D	1	11.450		11.450								
250	Máy vi tính INTEL G540_2.50GHz	Phòng vi tính 2 14A	1	9.685	9.685									x
251	Máy vi tính INTEL G540_2.50GHz	Phòng vi tính 2 14A	1	9.685	9.685									x
252	Máy vi tính INTEL G540_2.50GHz	Phòng vi tính 2 14A	1	9.685	9.685									x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức năng có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguyên sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
253	Máy vi tính INTEL G540 2.50GHz	Phòng vi tính 2 14A	1	9.685	9.685									x
254	Máy vi tính INTEL G540 2.50GHz	Phòng vi tính 2 14A	1	9.685	9.685									x
255	Máy vi tính INTEL G540 2.50GHz	Phòng vi tính 2 14A	1	9.685	9.685									x
256	Máy vi tính INTEL G540 2.50GHz	Phòng vi tính 2 14A	1	9.685	9.685									x
257	Máy vi tính INTEL G540 2.50GHz	Phòng vi tính 2 14A	1	9.685	9.685									x
258	Máy vi tính INTEL G540 2.50GHz	Phòng vi tính 2 14A	1	9.685	9.685									x
259	Máy vi tính INTEL G540 2.50GHz	Phòng vi tính 2 14A	1	9.685	9.685									x
260	Máy vi tính INTEL G540 2.50GHz	Phòng vi tính 2 14A	1	9.685	9.685									x
261	Máy vi tính INTEL G540 2.50GHz	Phòng vi tính 2 14A	1	9.685	9.685									x
262	Máy vi tính INTEL G540 2.50GHz	Phòng vi tính 2 14A	1	9.685	9.685									x
263	Máy vi tính INTEL G540 2.50GHz	Phòng vi tính 2 14A	1	9.685	9.685									x
264	Máy vi tính INTEL G540 2.50GHz	Phòng vi tính 2 14A	1	9.685	9.685									x
265	Máy vi tính INTEL G540 2.50GHz	Phòng vi tính 2 14A	1	9.685	9.685									x
266	Máy vi tính INTEL G540 2.50GHz	Trường THPT Nguyễn Huệ	1	9.685	9.685									x
267	Máy vi tính INTEL G540 2.50GHz	Phòng vi tính 2 14A	1	9.685	9.685									x
268	Máy vi tính INTEL G540 2.50GHz	Phòng vi tính 2 14A	1	9.685	9.685									x
269	Máy vi tính INTEL G540 2.50GHz	Phòng vi tính 2 14A	1	9.685	9.685									x
270	Máy vi tính INTEL G540 2.50GHz	Phòng vi tính 2 14A	1	9.685	9.685									x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguyên sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
271	Máy vi tính INTEL G540 2.50GHz	Phòng vi tính 2 14A	1	9.685	9.685									x
272	Máy vi tính INTEL G540 2.50GHz	Phòng vi tính 2 14A	1	9.685	9.685									x
273	Máy vi tính INTEL G540 2.50GHz	Phòng vi tính 2 14A	1	9.685	9.685									x
274	Máy vi tính INTEL G540 2.50GHz	Phòng vi tính 2 14A	1	9.685	9.685									x
275	Máy vi tính INTEL G540 2.50GHz	Phòng vi tính 2 14A	1	9.685	9.685									x
276	Máy vi tính INTEL G540 2.50GHz	Phòng vi tính 2 14A	1	9.685	9.685									x
277	Máy vi tính INTEL G540 2.50GHz	Phòng vi tính 2 14A	1	9.685	9.685									x
278	Máy vi tính INTEL G540 2.50GHz	Phòng vi tính 2 14A	1	9.685	9.685									x
279	Máy vi tính INTEL G540 2.50GHz	Phòng vi tính 2 14A	1	9.685	9.685									x
280	Máy vi tính INTEL G540 2.50GHz	Phòng vi tính 2 14A	1	9.685	9.685									x
281	Máy vi tính INTEL G540 2.50GHz	Phòng vi tính 2 14A	1	9.685	9.685									x
282	Máy vi tính INTEL G540 2.50GHz	Phòng vi tính 2 14A	1	9.685	9.685									x
283	Máy vi tính INTEL G540 2.50GHz	Phòng vi tính 2 14A	1	9.685	9.685									x
284	Máy vi tính INTEL G540 2.50GHz	Phòng vi tính 2 14A	1	9.685	9.685									x
285	Máy vi tính INTEL G540 2.50GHz	Phòng vi tính 2 14A	1	9.685	9.685									x
286	Tường rào	Trường THPT Nguyễn Huệ	1	753.504	753.504									
287	Máy tính INTEL Duo Core E1200 1.6GHz CRT	Phòng vi tính 4 12A	1	7.545	7.545									x
288	Máy tính intel Duo Core 2,66	Trường THPT Nguyễn Huệ	1	8.405	8.405									x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức năng có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguyên sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
289	Máy điều hòa Mitsubishi Electric 1.5HP	Kho khu D	1	8.550	8.550									x
290	Máy điều hòa Mitsubishi Electric 1.5HP	Phòng 17D	1	8.550	8.550									x
291	Máy điều hòa MitsubishiMS-XV12UV 1.5HP	Phòng nghỉ nam 10A	1	9.675	9.675									x
292	Máy điều hòa MitsubishiMS-XV12UV 1.5HP	Phòng nghỉ nữ 9A	1	9.675	9.675									x
293	Máy chiếu vật thể Promethean ActiView 122	Kho khu D	1	17.431			17.431							
294	Máy chiếu vật thể Promethean ActiView 122	Kho khu D	1	17.431			17.431							
295	Máy chiếu vật thể Promethean ActiView 122	Kho khu D	1	17.431			17.431							
296	Máy chiếu vật thể Lumen PS 350	Kho khu D	1	49.000	49.000									
297	Máy chiếu Sanyo XU75	Phòng 18D	1	24.194			24.194							
298	Máy chiếu Sanyo XU75	Hội trường 2B	1	24.194			24.194							
299	Máy chiếu Sanyo XU105	Phòng truyền thống 11A	1	41.285			41.285							
300	Máy chiếu Sanyo XU 74	Lớp học khu D	1	28.746			28.746							
301	Máy chiếu Sanyo XU 74	Lớp học khu D	1	28.746			28.746							
302	Máy chiếu Sanyo XU 74	Lớp học khu D	1	28.746			28.746							
303	Máy chiếu Sanyo XU 74	Lớp học khu D	1	28.746			28.746							
304	Máy chiếu Sanyo XU 74	Lớp học khu D	1	28.746			28.746							
305	Máy chiếu Sanyo XU 101	Lớp học khu D	1	39.999			39.999							
306	Máy chiếu Sanyo PLC -XU106	Phòng TH công nghệ 3B	1	40.970			40.970							
307	Máy chiếu Sanyo PLC -XU74	Lớp học khu D	1	31.393			31.393							
308	Máy chiếu Sanyo PLC -XU74	Lớp học khu D	1	31.393			31.393							
309	Máy chiếu Sanyo PLC -XU74	Lớp học khu D	1	31.393			31.393							
310	Máy chiếu Sanyo PLC-XU75	Phòng học khu C	1	24.854			24.854							
311	Máy chiếu Sanyo PLC-XU75	Phòng học khu C	1	24.854			24.854							

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngàn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức năng có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguyên sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
312	Máy điều hòa Mitsubishi Electric 2.0HP	Phòng 18D	1	11.950	11.950									
313	Máy chiếu Sanyo PLC-XU75	Phòng học khu C	1	24.854		24.854								
314	Máy chiếu Sanyo PLC-XU75	Phòng học khu C	1	24.854		24.854								
315	Máy chiếu Sanyo PLC-XW250	Phòng học khu C	1	22.677		22.677								
316	Máy chiếu Sanyo PLC-XW250	Phòng học khu C	1	22.677		22.677								
317	Máy chiếu Sanyo PLC-XW250	Lớp học khu D	1	22.677		22.677								
318	Máy chiếu Sanyo PLC-XW250	Lớp học khu D	1	22.677		22.677								
319	Máy chiếu Sanyo XU 101	Lớp học khu D	1	39.999		39.999								
320	Máy chiếu Sanyo PLC-XU75	Phòng học khu C	1	24.854		24.854								
321	Máy điều hòa Mitsubishi Electric 2.0HP	Phòng 18D	1	11.950	11.950									
322	Máy điều hòa Mitsubishi Electric 2.0HP	Phòng 18D	1	11.950	11.950									
323	Máy điều hòa Mitsubishi MU-A13VD 1.5HP	Phòng Tiếp dân 2A	1	9.725	9.725									
324	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 1.5HP	Phòng học khu C	1	13.970	13.970									X
325	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 1.5HP	Lớp học khu D	1	13.353		13.353								
326	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 1.5HP	Kho khu D	1	13.258	13.258									
327	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 1.5HP	Lớp học khu D	1	13.353		13.353								
328	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 1.5HP	Phòng Thư viện 8A	1	13.970		13.970								
329	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 1.5HP	Kho khu D	1	13.258	13.258									
330	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 1.5HP	Lớp học khu D	1	13.970		13.970								
331	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 1.5HP	Kho khu D	1	13.353	13.353									

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức năng có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguyên sách	Nguyên khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
332	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 1.5HP	Phòng học khu C	1	13.353	13.353									
333	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 1.5HP	Kho khu D	1	13.353	13.353									
334	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 1.5HP	Phòng đồ dùng dạy môn thể dục 6B	1	13.970		13.970								
335	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 1.5HP	Lớp học khu D	1	13.353		13.353								
336	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 1.5HP	Phòng Thư viện 8A	1	13.970		13.970								
337	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 1.5HP	Phòng Bảo vệ	1	13.258	13.258									
338	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 1.5HP	Phòng Thư viện 8A	1	13.970		13.970								
339	Máy chiếu Sanyo PLC -SU70	Phòng thao giảng 4B	1	30.000		30.000								
340	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 1.5HP	Kho khu D	1	13.258	13.258									
341	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 1.5HP	Kho khu D	1	13.353	13.353									
342	Máy điều hòa Mitsubishi MU-A13VD 1.5HP	Kho khu D	1	9.725	9.725									x
343	Máy điều hòa nhiệt độ ASANZO 2HP	Phòng truyền thống 11A	1											x
344	Máy điều hòa nhiệt độ ASANZO 2HP	Phòng truyền thống 11A	1											x
345	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 1.5HP	Phòng Thư viện 8A	1	13.970		13.970								x
346	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 1.5HP	Phòng học khu C	1	13.970	13.970									
347	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 1.5HP	Kho khu D	1	13.258	13.258									
348	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 1.5HP	Phòng Thư viện 8A	1	13.970		13.970								
349	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 1.5HP	Phòng học khu C	1	13.970	13.970									

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức năng có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguyên sách	Nguyên khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
350	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 1.5HP	Kho khu D	1	13.258	13.258									
351	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 1.5HP	Phòng Thư viện 8A	1	13.970		13.970								
352	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 1.5HP	Kho khu D	1	13.258	13.258									
353	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 1.5HP	Kho khu D	1	13.258	13.258									
354	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 1.5HP	Kho khu D	1	13.258	13.258									
355	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 1.5HP	Lớp học khu D	1	13.353	13.353									
356	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 1.5HP	Phòng học khu C	1	13.970	13.970									
357	Máy chiếu LCD Sanyo XU5	Lớp học khu D	1	49.000		49.000								
358	Máy chiếu Hitachi CP-EX250	Lớp học khu D	1	25.000		25.000								
359	Máy chiếu Hitachi CP-EX250	Lớp học khu D	1	25.000		25.000								
360	Hệ thống camera lớp : camera SNM SFIV-140D40(T)-Khu C (23 m)	Phòng học khu C	1	248.340		248.340								
361	Hệ thống camera lớp : camera SNM SFIV-140D40(T)-Khu D (16 m)	Lớp học khu D	1	172.760		172.760								
362	Hệ thống camera lớp: Đầu ghi Rifatron MH -16	Phòng Giám Thị	1	34.200		34.200								
363	Hệ thống camera lớp: Đầu ghi Rifatron MH -16	Phòng Giám Thị	1	34.200		34.200								
364	Hệ thống camera lớp: Đầu ghi Rifatron MH -16	Phòng Giám Thị	1	34.200		34.200								
365	Hệ thống thiết bị bảng thông minh có chân đế PRM - ABV387PR	Hội trường 2B	1	112.413	112.413									
366	Hệ thống camera hành lang : camera SNM SFIV-140D40(T)-Bảo vệ (9 m)	Phòng học khu C	1	106.490		106.490								

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguyên sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
367	Hệ thống thiết bị bảng thông minh có chân đế PRM - ABV387PR	Phòng học khu C	1	112.413	112.413									
368	Hệ thống thiết bị bảng thông minh có chân đế PRM - ABV387PR	Phòng học khu C	1	112.413		112.413								
369	Khung bóng rổ di động	Khu sân chơi	1	28.000		28.000								
370	Khung bóng rổ di động 2	Khu sân chơi	1	36.000		36.000								
371	Máy bán tập MBT - 03	Phòng 8D	1	18.500	18.500									
372	Máy bán tập MBT - 03	Phòng 8D	1	17.619	17.619									
373	Máy bán tập MBT-03(model SH2/GDQP/CD) kèm theo 2 bộ tập, 2 khẩu súng TLAK tập, máy tính chuyên dùng	Phòng 8D	1	48.300	48.300									
374	Hệ thống thiết bị bảng thông minh có chân đế PRM - ABV387PR	Lớp học khu D	1	112.413	112.413									
375	Máy bơm chữa cháy Tohatsu VC52AS	Trường THPT Nguyễn Huệ	1	71.500		71.500	53.625							
376	Hệ thống camera hành lang : camera SNM SFIV-140D40(T)- Bảo vệ (8 m)	Lớp học khu D	1	94.650		94.650								
377	Hệ thống camera hành lang : camera SNM SFIV-140D40(T)- Bảo vệ (2 m)	Khu sân chơi	1	23.660		23.660								x
378	Bàn Oval 2000 x 1000 x 780	Phòng Thư viện 8A	1	7.340	7.340									
379	Bàn Oval 2000 x 1200 x 780	Phòng Hiệu trưởng 6A	1	12.600		12.600								
380	Bàn Oval 2400 x 450 x 780	Phòng Đoàn 5B	1	8.050	8.050									x
381	Bàn Oval 2400 x 600 x 780	Kho khu D	1	13.550		13.550								
382	Bàn Oval 4400 x 1200 x 780	Trường THPT Nguyễn Huệ	1	12.800		12.800								
383	Bàn Oval 4400 x 1200 x 780	Trường THPT Nguyễn Huệ	1	12.800		12.800								
384	Hệ thống camera hành lang : camera SNM SFIV-140D40(T)- Bảo vệ (6 m)	Khu sân chơi	1	70.990		70.990								

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kính doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguyên sách	Nguyên khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
385	Bàn quây (360 x 60 x 120)	Trường THPT Nguyễn Huệ	1	9.900	9.900									x
386	Đầu ghi Rifatron MH - 16	Phòng Bảo vệ	1	34.200		34.200								
387	Đầu ghi Rifatron MH - 16	Phòng Bảo vệ	1	34.200		34.200								
388	Đường nội bộ	Trường THPT Nguyễn Huệ	1	860.562	860.562									
389	Hệ thống âm thanh lớp học năm 2023	Lớp học khu D	8	91.325		91.325	54.795							
390	Hệ thống âm thanh trường TOA	Trường THPT Nguyễn Huệ	1	89.067		89.067	17.813							
391	Hệ thống camera hành lang : camera SNM SFIV-140D40(T)-Bảo vệ (1 m)	Phòng Bảo vệ	1	11.830		11.830								
392	Bộ âm thanh ngoài trời PRX 725	Kho khu A	1	195.800		195.800								
393	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 1.5HP	Phòng học khu C	1	13.970	13.970									
394	Máy chiếu cự ly gần Ptomthean PRM-36	Lớp học khu D	1	34.300		34.300								
395	Máy chiếu cự ly gần Ptomthean PRM-36	Hội trường 2B	1	34.300	34.300									
396	Máy chiếu EIKI LC-XBM26	Phòng học khu C	1	22.154		22.154								
397	Máy chiếu EIKI LC-XBM26	Phòng học khu C	1	22.154		22.154								
398	Máy chiếu EIKI LC-XBM26	Phòng học khu C	1	22.154		22.154								
399	Máy chiếu EIKI LC-XBM26	Phòng học khu C	1	22.154		22.154								
400	Máy chiếu EIKI LC-XBM26	Phòng học khu C	1	22.154		22.154								
401	Máy chiếu EIKI LC-XBM26	Phòng học khu C	1	22.154		22.154								
402	Máy chiếu EIKI LC-XBL 25	Lớp học khu D	1	20.877		20.877								
403	Máy chiếu HITACHI CP - EX205WNP	Lớp học khu D	1	14.839		14.839	2.968							
404	Máy chiếu HITACHI CP - EX205WNP	Lớp học khu D	1	14.839		14.839	2.968							

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo số kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguyên sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
405	Máy chiếu HITACHI CP - EX205WNP	Phòng vi tính 1 13A	1	14.839		14.839	2.968							
406	Máy chiếu HITACHI CP - EX205WNP	Phòng vi tính 3 7A	1	14.839		14.839	2.968							
407	Máy chiếu HITACHI CP - EX205WNP	Phòng vi tính 2 14A	1	14.839		14.839	2.968							
408	Máy chiếu Hitachi CP -EX250	Phòng học khu C	1	25.000		25.000								
409	Máy chiếu Hitachi CP -EX250	Phòng học khu C	1	25.000		25.000								
410	Máy chiếu HITACHI CP - EX205WNP	Phòng vi tính 4 12A	1	14.839		14.839	2.968							
411	Máy chiếu cự ly gần Promthean PRM-36	Phòng học khu C	1	34.300		34.300								
412	Máy chiếu EIKI LC-XBL 25	Phòng học khu C	1	21.577		21.577								
413	Máy chiếu EIKI LC-XBL 25	Phòng học khu C	1	21.577		21.577								
414	Máy chiếu cự ly gần Promthean PRM-36	Lớp học khu D	1	34.300	34.300									
415	Máy chiếu đa năng Hitachi CP- EX3051WNP	Hội trường 2B	1	15.829		15.829	6.332		x					
416	Máy chiếu EIKI LC-XBL 25	Phòng học khu C	1	21.577		21.577								
417	Máy chiếu EIKI LC-XBL 25	Phòng học khu C	1	21.577		21.577								
418	Máy chiếu EIKI LC-XBL 25	Phòng học khu C	1	21.577		21.577								
419	Máy chiếu EIKI LC-XBL 25	Phòng học khu C	1	21.577		21.577								
420	Máy chiếu EIKI LC-XBL 25	Lớp học khu D	1	20.877		20.877								
421	Máy chiếu EIKI LC-XBL 25	Phòng học khu C	1	21.577		21.577								
422	Máy chiếu EIKI LC-XBL 25	Lớp học khu D	1	21.577		21.577								
423	Máy chiếu EIKI LC-XBL 25	Lớp học khu D	1	20.877		20.877								
424	Máy chiếu EIKI LC-XBL 25	Lớp học khu D	1	25.082		25.082								
425	Máy chiếu EIKI LC-XBL 25	Lớp học khu D	1	20.877		20.877								
426	Máy chiếu EIKI LC-XBL 25	Phòng học khu C	1	21.577		21.577								
427	Máy chiếu EIKI LC-XBL 25	Phòng học khu C	1	21.577		21.577								

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá Nguồn ngân sách	Nguyên giá Nguồn khác	Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
428	Máy chiếu EIKI LC-XBL 25	Phòng học khu C	1	21.577		21.577								
429	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 1.5HP	Phòng học khu C	1	13.970	13.970									
430	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 1.5HP	Phòng học khu C	1	13.353	13.353									
431	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 1.5HP	Kho khu D	1	13.258	13.258									
432	Máy điều hòa nhiệt độ REE TECH 2HP	Phòng học khu C	1											X
433	Máy điều hòa nhiệt độ REE TECH 2HP	Phòng thao giảng 4B	1	9.600		9.600								X
434	Máy điều hòa nhiệt độ REE TECH 2HP	Phòng Y tế	1											X
435	Máy điều hòa nhiệt độ REE TECH 2HP	Phòng học khu C	1											X
436	Máy điều hòa nhiệt độ REE TECH 2HP	Phòng thao giảng 4B	1	9.600		9.600								X
437	Máy điều hòa nhiệt độ REE TECH 2HP	Phòng thao giảng 4B	1	9.600		9.600								X
438	Máy điều hòa nhiệt độ REE TECH 2HP	Phòng thao giảng 4B	1	9.600		9.600								X
439	Máy điều hòa nhiệt độ REE TECH 2HP	Phòng thao giảng 4B	1	9.600		9.600								X
440	Máy điều hòa nhiệt độ REE TECH 2HP	Phòng học khu C	1											X
441	Máy điều hòa nhiệt độ REE TECH 2HP	Phòng học khu C	1											X
442	Máy fax Brother 1270	Trường THPT Nguyễn Huệ	1	5.044		5.044								X
443	Máy in HP 2055D	Phòng Tiếp dân 2A	1	9.142		9.142								X
444	Máy in HP Laserjet P2014	Trường THPT Nguyễn Huệ	1	5.980		5.980								X
445	Máy in HP Laserjet P2015D	Kho khu D	1	8.950		8.950								X
446	Máy điều hòa nhiệt độ REE TECH 2HP	Phòng thao giảng 4B	1	9.600		9.600								X

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngàn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức năng có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguyên sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
447	Máy in HP Laserjet P2015D	Trường THPT Nguyễn Huệ	1	8.950	8.950									
448	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 2HP	Lớp học khu D	1	18.000	18.000									x
449	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 2HP	Phòng học khu C	1	18.000	18.000									
450	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 2HP	Hội trường 2B	1	22.000	22.000									
451	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 2HP	Hội trường 2B	1	22.000	22.000									
452	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 2HP	Phòng học khu C	1	18.000	18.000									
453	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 2HP	Lớp học khu D	1	18.000	18.000									
454	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 2HP	Phòng học khu C	1	18.000	18.000									
455	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 2HP	Lớp học khu D	1	18.000	18.000									
456	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 2HP	Hội trường 2B	1	22.000	22.000									
457	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 2HP	Phòng vi tính 3 7A	1	20.628	20.628									
458	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 2HP	Lớp học khu D	1	18.000	18.000									
459	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 2HP	Lớp học khu D	1	18.000	18.000									
460	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 2HP	Lớp học khu D	1	18.000	18.000									
461	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 2HP	Phòng học khu C	1	18.000	18.000									
462	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 2HP	Lớp học khu D	1	18.000	18.000									
463	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 2HP	Lớp học khu D	1	18.000	18.000									
464	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 2HP	Hội trường 2B	1	22.000	22.000									

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức năng có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguyên sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
465	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 2HP	Phòng vi tính 1 13A	1	20.628	20.628									
466	Máy in laser HP 1160	Trường THPT Nguyễn Huệ	1	5.269	5.269									x
467	Máy lạnh Panasonic 2 HP CS-N18VXXKH-8	Lớp học khu D	1	18.000		18.000	11.250		x					
468	Máy lạnh Panasonic 2 HP CS-N18VXXKH-8	Phòng học khu C	1	18.000		18.000	11.250		x					
469	Máy lạnh Panasonic 2 HP CS-N18VXXKH-8	Lớp học khu D	1	18.000		18.000	11.250		x					
470	Máy lạnh Panasonic 2 HP CS-N18VXXKH-8	Phòng học khu C	1	18.000		18.000	11.250		x					
471	Máy lạnh Panasonic 2 HP CS-N18VXXKH-8	Lớp học khu D	1	18.000		18.000	11.250		x					
472	Máy lạnh Panasonic 2 HP CS-N18VXXKH-8	Lớp học khu D	1	18.000		18.000	11.250		x					
473	Máy lạnh Panasonic 2 HP CS-N18VXXKH-8	Phòng học khu C	1	18.000		18.000	11.250		x					
474	Máy lạnh Panasonic 2 HP CS-N18VXXKH-8	Lớp học khu D	1	18.000		18.000	11.250		x					
475	Máy lạnh Panasonic 2 HP CS-N18VXXKH-8	Phòng học khu C	1	18.000		18.000	9.000		x					
476	Máy photocopy Duplo -210e	Phòng Tiếp dân 2A	1	63.600		63.600								
477	Máy photocopy Konica Minolta Bizhub -215	Phòng Tài Vụ 1A	1	39.000	39.000									
478	Máy photocopy KonicaMinolta BIZHUB-215	Phòng Giáo vụ 3A	1	39.500		39.500								
479	Máy tính DELL Intel Core2 Duo	Trường THPT Nguyễn Huệ	1	16.700		16.700								
480	Máy tính HP Centrino Duo	Trường THPT Nguyễn Huệ	1	16.700		16.700								
481	Máy tính INTEL Core2 Duo-E7300 (2.66GHz)LCD	Phòng vi tính 4 12A	1	14.900		14.900								
482	Máy Photocopy 4:HP LaserJet Managed MFP E82550dn + Cabinet	Phòng Tiếp dân 2A	1	60.980		60.980								

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
483	Máy lạnh Panasonic 2 HP CS-N18VXKH-8	Phòng học khu C	1	18.000		18.000	11.250		x					
484	Máy lạnh Panasonic 2 HP CS-N18VXKH-8	Lớp học khu D	1	18.000		18.000	11.250		x					
485	Máy lạnh Panasonic 2 HP CS-N18VXKH-8	Lớp học khu D	1	18.000		18.000	11.250		x					
486	Máy lạnh Panasonic 2 HP CS-N18VXKH-8	Lớp học khu D	1	18.000		18.000	11.250		x					
487	Máy lạnh Panasonic 2 HP CS-N18VXKH-8	Phòng học khu C	1	18.000		18.000	11.250		x					
488	Máy lạnh Panasonic 2 HP CS-N18VXKH-8	Phòng học khu C	1	18.000		18.000	11.250		x					
489	Máy lạnh Panasonic 2 HP CS-N18VXKH-8	Phòng học khu C	1	18.000		18.000	11.250		x					
490	Máy lạnh Panasonic 2 HP CS-N18VXKH-8	Lớp học khu D	1	18.000		18.000	11.250		x					
491	Máy lạnh Panasonic 2 HP CS-N18VXKH-8	Lớp học khu D	1	18.000		18.000	11.250		x					
492	Máy lạnh Panasonic 2 HP CS-N18VXKH-8	Phòng học khu C	1	18.000		18.000	11.250		x					
493	Máy lạnh Panasonic 2 HP CS-N18VXKH-8	Phòng học khu C	1	18.000		18.000	11.250		x					
494	Máy lạnh Panasonic 2 HP CS-N18VXKH-8	Phòng học khu C	1	18.000		18.000	11.250		x					
495	Máy lạnh Panasonic 2 HP CS-N18VXKH-8	Phòng học khu C	1	18.000		18.000	11.250		x					
496	Máy lạnh Panasonic 2 HP CS-N18VXKH-8	Lớp học khu D	1	18.000		18.000	11.250		x					
497	Máy lạnh Panasonic 2 HP CS-N18VXKH-8	Lớp học khu D	1	18.000		18.000	11.250		x					
498	Máy lạnh Panasonic 2 HP CS-N18VXKH-8	Lớp học khu D	1	18.000		18.000	11.250		x					
499	Máy lạnh Panasonic 2 HP CS-N18VXKH-8	Lớp học khu D	1	18.000		18.000	11.250		x					
500	Máy lạnh Panasonic 2 HP CS-N18VXKH-8	Phòng học khu C	1	18.000		18.000	11.250		x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức năng có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguyên khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
501	Máy tính INTEL Duo Core E1200 1.6GHz CRT	Phòng vi tính 4 12A	1	7.545	7.545									x
502	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 2HP	Hội trường 2B	1	22.000	22.000									
503	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 2HP	Phòng học khu C	1	18.000	18.000									
504	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 1.5HP	Kho khu D	1	13.258	13.258									
505	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 1.5HP	Phòng Tài Vụ 1A	1	13.258	13.258									
506	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 1.5HP	Phòng học khu C	1	13.970	13.970									
507	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 1.5HP	Phòng Hiệu trưởng 6A	1	13.970	13.970		13.970							
508	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 1.5HP	Kho khu D	1	13.353	13.353									
509	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 1.5HP	Kho khu D	1	13.258	13.258									
510	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 1.5HP	Phòng học khu C	1	13.970	13.970									
511	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 1.5HP	Kho khu D	1	13.258	13.258									
512	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 1HP	Phòng 4A1 - Phó hiệu trưởng	1	8.505	8.505									x
513	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 1HP	Trường THPT Nguyễn Huệ	1	9.310	9.310									x
514	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 1HP	Phòng 4A2	1	9.310	9.310									x
515	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 2HP	Phòng học khu C	1	18.000	18.000									
516	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 2HP	Phòng học khu C	1	18.000	18.000									
517	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 2HP	Phòng học khu C	1	18.000	18.000									
518	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 1.5HP	Phòng học khu C	1	13.970	13.970									

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
519	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 2HP	Lớp học khu D	1	18.000	18.000									
520	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 1.5HP	Phòng học khu C	1	13.970	13.970									
521	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 1.5HP	Kho khu D	1	13.258	13.258									
522	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 1.5HP	Kho khu D	1	13.353	13.353									
523	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 1.5HP	Lớp học khu D	1	13.970		13.970								
524	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 1.5HP	Lớp học khu D	1	13.970		13.970								
525	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 1.5HP	Kho khu D	1	13.353	13.353									
526	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 1.5HP	Lớp học khu D	1	13.353		13.353								
527	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 1.5HP	Phòng Giáo vụ 3A	1	13.970		13.970								
528	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 1.5HP	Lớp học khu D	1	13.353		13.353								
529	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 1.5HP	Lớp học khu D	1	13.353		13.353								
530	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 1.5HP	Lớp học khu D	1	13.353		13.353								
531	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 1.5HP	Phòng Đoàn 5B	1	13.258	13.258									
532	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 1.5HP	Kho khu D	1	13.258	13.258									
533	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 1.5HP	Phòng Giáo vụ 3A	1	13.970		13.970								
534	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 1.5HP	Kho khu D	1	13.258	13.258									
535	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 1.5HP	Kho khu D	1	13.258	13.258									
536	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 1.5HP	Lớp học khu D	1	13.353	13.353									

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
537	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 2HP	Phòng học khu C	1	18.000	18.000									
538	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 2HP	Phòng học khu C	1	18.000	18.000									
539	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 2HP	Hội trường 2B	1	22.000	22.000									
540	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 2HP	Phòng học khu C	1	18.000	18.000									
541	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 2HP	Phòng học khu C	1	18.000	18.000									
542	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 2HP	Phòng học khu C	1	18.000	18.000									
543	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 2HP	Hội trường 2B	1	22.000	22.000									
544	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 2HP	Phòng vi tính 3 7A	1	20.628	20.628									
545	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 2HP	Phòng học khu C	1	18.000	18.000									
546	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 2HP	Hội trường 2B	1	22.000	22.000									
547	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 2HP	Lớp học khu D	1	18.000	18.000									
548	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 2HP	Lớp học khu D	1	18.000	18.000									
549	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 2HP	Lớp học khu D	1	18.000	18.000									
550	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 2HP	Phòng học khu C	1	18.000	18.000									
551	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 2HP	Lớp học khu D	1	18.000	18.000									
552	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 2HP	Phòng học khu C	1	18.000	18.000									
553	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 2HP	Phòng học khu C	1	18.000	18.000									
554	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 2HP	Phòng học khu C	1	18.000	18.000									

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguyên sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
555	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 2HP	Phòng học khu C	1	18.000	18.000									
556	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 2HP	Phòng vi tính 2 14A	1	20.628	20.628									
557	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 2HP	Lớp học khu D	1	18.000	18.000									
558	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 2HP	Lớp học khu D	1	18.000	18.000									
559	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 2HP	Lớp học khu D	1	18.000	18.000									
560	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 2HP	Phòng học khu C	1	18.000	18.000									
561	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 2HP	Phòng vi tính 2 14A	1	20.628	20.628									
562	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 2HP	Phòng học khu C	1	18.000	18.000									
563	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 2HP	Lớp học khu D	1	18.000	18.000									
564	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 2HP	Phòng học khu C	1	18.000	18.000									
565	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 2HP	Phòng học khu C	1	18.000	18.000									
566	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 2HP	Phòng học khu C	1	18.000	18.000									
567	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 2HP	Hội trường 2B	1	22.000	22.000									
568	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 2HP	Phòng vi tính 1 13A	1	20.628	20.628									
569	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 2HP	Lớp học khu D	1	18.000	18.000									
570	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 2HP	Phòng học khu C	1	18.000	18.000									
571	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 2HP	Hội trường 2B	1	22.000	22.000									
572	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic 2HP	Phòng học khu C	1	18.000	18.000									

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
1	2	3	4	5	6	7	9	10	11	12	13	14	15
573	TV LCD JVC 32'	Kho khu D	1	13.970		13.970							
	Tổng cộng		595	13.104.050	7.030.116	6.073.934							
						742.568							

Ngày 23 tháng 4 năm 2025

Người lập báo cáo
(Ký, họ tên)

[Signature]
Phạm Thị Na

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên và đóng dấu)

[Signature]
[Red Stamp: TRƯỞNG PHÒNG TỔNG QUẢN LÝ TÀI SẢN CÔNG AN PHỐ THÔNG CHI MINH HƯE NGUYỄN HUỆ ĐANG DUYO DS]
Trần Thị Chung Tiên

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG
NĂM 2024

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền							Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý tài sản	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác							
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác														
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
I	Đất																
I	Không có																
II	Nhà																
I	Không có																
III	Xe ô tô																
I	Không có																
IV	Tài sản cố định khác	0	0	0													
I	Không có																

NGƯỜI LẬP BIỂU



Phạm Thị Na

Ngày 23 tháng 4 năm 2025



Trần Thị Thủy Tiên

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH KHAI THÁC NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH TỪ TÀI SẢN CÔNG
NĂM 2024

Stt	Tên tài sản	Kinh doanh			Cho thuê							Liên doanh, liên kết					Số tiền thu được từ việc liên doanh, liên kết trong năm (Nghìn đồng)
		Số lượng/ diện tích tài sản kinh doanh	Hình thức kinh doanh	Số tiền thu được từ việc kinh doanh trong năm (Nghìn đồng)	Số lượng/ diện tích tài sản cho thuê	Đơn giá thuê (Nghìn đồng)	Tên cơ quan, đơn vị, tổ chức thuê tài sản	Hợp đồng cho thuê tài sản (số..., ngày...)	Thời hạn cho thuê (từ đến....)	Số tiền thu được từ việc cho thuê tài sản trong năm (Nghìn đồng)	Số lượng/ diện tích tài sản liên doanh, liên kết	Đối tác liên doanh liên kết	Hình thức liên doanh, liên kết	Hợp đồng liên kết (số..., ngày...)	Thời hạn liên doanh, liên kết (từ... đến...)		
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
I	Nhà, đất																
1	Căn tin Trường THPT Nguyễn Huệ, Số 153 Nguyễn Văn Tăng, P.Long Thạnh Mỹ, Thủ Đức				117 m2	550.000	HỘ KINH DOANH CÁN TIN TRƯỞNG THCS TRƯỜNG SƠN	01/HDDV-2024-NH	Từ 01/09/2024 đến 30/06/2025								
2	Bãi xe học sinh Trường THPT Nguyễn Huệ, Số 153 Nguyễn Văn Tăng, P.Long Thạnh Mỹ, Thủ Đức				396,86 m2	376.000	CÔNG TY TNHH SCOTWELL VIỆT NAM	02/HDDV2024-TTHPTNH-SCWVN	Từ 01/09/2024 đến 30/06/2025								
II	Xe ô tô																
III	Tài sản cố định khác																

NGƯỜI LẬP BIỂU

[Signature]

Phạm Thị Nà

